

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 11 năm 2023

KẾ HOẠCH

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến 2025, định hướng đến 2030; số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng 2030; số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo số: số 4988/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo; số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 09/10/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chương trình hành động số 36-CTr/TU ngày 10/01/2020 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách

chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Chỉ thị số 38-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ các Kết luận của Ban cán sự đảng UBND tỉnh số 619-KL/BCSD ngày 29/8/2023 về một số nội dung tại cuộc họp ngày 24/8/2023, số 861-KL/BCSD ngày 10/11/2023 về việc ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/03/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện chuyển đổi số toàn diện tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 2349/SGDĐT-TCCBQLCL ngày 28/8/2023, Tờ trình số 2967/SGDĐT-VP ngày 20/10/2023 và Văn bản số 3125/SGDĐT-VP ngày 06/11/2023; ý kiến thống nhất tại cuộc họp liên ngành ngày 28/8/2023 (các sở: Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo) được Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình tại Văn bản số 2127/STTTT-CNTT ngày 06/9/2023; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023-2025 theo lộ trình mục tiêu đã đặt ra trong Quyết định số 131/QĐ-TTg và Nghị quyết số 09-NQ/TU phù hợp với đặc thù, hiện trạng của giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh;

b) Tạo đột phá trong hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước về giáo dục; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục đảm bảo kế thừa, phát huy hiệu quả các hạng mục đã đầu tư trong Đề án xây dựng chính quyền điện tử, các Đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành giáo dục, đặc biệt là các dự án xây dựng trường học thông minh, tiên tiến đã triển khai;

c) Thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo gắn với phát triển các nền tảng, tài nguyên số dùng chung, góp phần phát triển chính quyền số, xã hội số, xây dựng dữ liệu quốc gia về dân cư của tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Bám sát Quyết định số 131/QĐ-TTg, Nghị quyết số 09-NQ/TU, Kế hoạch số 59/KH-UBND và các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số của quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo, của tỉnh. Triển khai có trọng tâm, trọng điểm, từng bước, theo lộ trình và đảm bảo hiệu quả, lấy người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số;

b) Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chuyển đổi số, góp phần thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục gắn với sử dụng hiệu quả tài sản, kinh phí, tránh tiêu cực, thất thoát, lãng phí;

c) Chuyển đổi số phải thực hiện đồng bộ từ tinh xuông địa phương, từ Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo đến các cơ sở giáo dục. Các Đề án, kế hoạch, hoạt động chuyển đổi số của các địa phương, cơ sở giáo dục phải đảm bảo đồng bộ, phù hợp với kế hoạch này;

d) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân, tổ chức.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, khai thác sử dụng hiệu quả phương tiện thiết bị công nghệ thông tin trên cơ sở bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở, thích ứng trên nền tảng số, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia, góp phần phát triển Chính quyền số, xã hội số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu đến 2025

a) Phát triển Chính quyền số trong giáo dục

(1) 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 100%.

(2) Tỷ lệ người học, cha mẹ người học hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%; Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.

(3) Các cơ quan quản lý giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 100% hồ sơ công việc được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

(4) 100% chỉ số thống kê về giáo dục, đào tạo theo Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017, Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 01/2018/TT-LĐTBXH ngày 27/02/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được kết nối, chia sẻ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo.

(5) 100% cơ sở giáo dục đảm bảo kết nối dữ liệu để triển khai dịch vụ công thiết yếu (thủ tục đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển đại học, cao đẳng).

b) Phát triển xã hội số trong giáo dục

(6) 100% các cơ sở giáo dục chấp nhận thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; 100% số tiền học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học của các cơ sở giáo dục ở vùng thành thị, nông thôn; 65% ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

(7) 100% cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học triển khai sổ sách, sổ điểm, học bạ điện tử thay thế hoàn toàn hồ sơ giấy; 100% trường phổ thông tuyển sinh đầu cấp lớp 1, lớp 6, lớp 10 hoàn toàn trên môi trường số.

(8) Triển khai mô hình quản lý thi online tập trung qua nền tảng công nghệ xác thực thẻ CCCD gắn chip điện tử.

(9) 100% cơ sở giáo dục triển khai cho nhà giáo sử dụng chữ ký số.

c) Xây dựng trường học số

** Chuyển đổi số trong dạy và học*

(10) Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh, mỗi sinh viên và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến;

(11) Về môi trường giáo dục trực tuyến:

(11.1) Triển khai một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được ít nhất 70% học sinh, sinh viên sử dụng;

(11.2) Trường Đại học Hạ Long cung cấp các chương trình đào tạo (có cấp bằng) theo hình thức từ xa, trực tuyến;

(11.3) Hình thành kho học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông;

(12) Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến:

(12.1) Tỉ trọng lớp học trực tuyến trong Trường Đại học Hạ Long đạt trung bình 20%; trong số người học lấy văn bằng đại học thứ hai, có ít nhất 50% theo học hình thức trực tuyến (với thời lượng trực tuyến chiếm hơn 50%).

(12.2) Tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học.

** Chuyển đổi số trong quản trị trường học*

(13) Quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số

(13.1) 100% cơ sở giáo dục từ mầm non đến đại học trên địa bàn tỉnh áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số;

(13.2) 100% các trường học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên tiếp tục triển khai hệ thống quản lý trường học trực tuyến;

(13.3) 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo

dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

(13.4) Xây dựng và hoàn thiện mô hình “Giáo dục đại học số” tại Trường Đại học Hạ Long.

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu

(14) Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với 100% cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

(15) 100% sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ được số hóa;

d) Phát triển nhân lực số

(16) 100% các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh tích hợp nội dung chuyên đổi số trong chương trình giảng dạy, đào tạo.

(17) 80% cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM.

(18) 100% người làm việc trong cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục định kỳ hàng năm được tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số; trong đó tối thiểu 50% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số.

2.2. Mục tiêu cơ bản đến 2030

Tất cả các thành tố trong hệ thống giáo dục của tỉnh được đưa vào môi trường số:

(19) Tiếp tục triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông.

(20) Trường Đại học Hạ Long trở thành cơ sở giáo dục đại học số, trong đó thực hiện cung cấp các chương trình đào tạo (có cấp bằng) theo hình thức từ xa, trực tuyến.

(21) 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đổi tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên, người học, cha mẹ người học;

b) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cho cán bộ, giáo viên, nhân

viên, cha mẹ người học và người học về thanh toán không dùng tiền mặt đối với tất cả các hoạt động có thanh toán, chỉ trả tiền.

2. Rà soát, ban hành các văn bản hướng dẫn về chuyển đổi số trong hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục

a) Hướng dẫn thực hiện quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục, đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Hướng dẫn thực hiện các quy định về thanh toán, đóng học phí, lệ phí, các khoản thu dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục bằng phương thức không dùng tiền mặt;

c) Hướng dẫn thực hiện bộ chỉ tiêu đánh giá chuyển đổi số; tự đánh giá, đánh giá ngoài và công nhận kết quả mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng đề án thuê dịch vụ điện tử quản lý học sinh, xây dựng trường học thông minh, lớp học thông minh, hệ thống LMS/LCMS phục vụ hoạt động dạy và học, bồi dưỡng thường xuyên;

đ) Hướng dẫn sử dụng, xây dựng nội dung trang thông tin điện tử của ngành và các cơ sở giáo dục;

e) Hướng dẫn quản lý hồ sơ điện tử trong các cơ sở giáo dục theo chuẩn kết nối, chuẩn dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang tới tất cả các cơ sở giáo dục; tiếp tục thực hiện thuê dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ xây dựng trường học số.

b) Phát huy hiệu quả của các thiết bị đã được đầu tư từ các đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong ngành Giáo dục:

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đã được đầu tư thiết bị dạy học hiện đại từ các đề án, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, trường học thông minh thực hiện nghiêm túc Quy chế quản lý, sử dụng thiết bị giáo dục trong trường mầm non, trường phổ thông trên địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục lập kế hoạch, triển khai các giải pháp khai thác hiệu quả các thiết bị hỗ trợ dạy học đã được đầu tư; phát huy lợi thế của hệ thống phòng học thông minh, phòng học tương tác để triển khai các mô hình dạy - học tiên tiến trên nền tảng số phù hợp với nhu cầu thực tế tại đơn vị.

c) Tăng cường hiện đại hóa cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số trong ngành Giáo dục, trọng tâm là Trường Đại học Hạ Long, Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh và các trường phổ thông.

4. Chuyển đổi số dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Triển khai hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng;

b) Lựa chọn và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục vào giảng dạy, ưu tiên sản phẩm trong nước.

c) Triển khai các mô hình dạy và học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường trong đó có tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông dưới hình thức trực tuyến đảm bảo mục tiêu của Kế hoạch.

đ) Phát triển các kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành (bài giảng điện tử, bài giảng dạy trên truyền hình, học liệu số đa phương tiện, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác); phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho tất cả các môn học.

e) Xây dựng thư viện điện tử, các nền tảng tài nguyên giáo dục mở cho phép học sinh, sinh viên truy cập trực tuyến miễn phí phục vụ học tập, tra cứu thông tin, nâng cao khả năng tiếp cận kiến thức.

g) Xây dựng và tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông. Chú trọng tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và trang bị thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotics để triển khai.

h) Đổi mới, cập nhật các chương trình giáo dục, đào tạo các ngành công nghệ thông tin, điện tử, tự động hóa, viễn thông tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh; giảng dạy tin học, rèn luyện kỹ năng số cho học sinh phổ thông để hình thành thói quen số, văn hóa số, ...

5. Triển khai đồng bộ hệ thống quản lý giáo dục và đào tạo và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

a) Triển khai Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin cho Sở Giáo dục và Đào tạo, 13 phòng giáo dục và đào tạo, tất cả các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đảm bảo phục vụ các cơ quan quản lý giáo dục. Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của các cơ quan quản lý giáo dục.

c) Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tới 100% cơ sở giáo dục đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ cơ sở giáo dục với hệ thống cơ sở dữ liệu toàn quốc của ngành giáo dục. Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa nhà trường với gia đình, kết nối với các nền tảng ứng dụng khác.

d) Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP của tỉnh; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục.

6. Tiếp tục triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số, thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong giáo dục

a) Triển khai phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc tại địa chỉ (<http://congchuc.quangninh.gov.vn>) tới tất cả các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh; thực hiện liên thông văn bản điện tử thông suốt từ trường, phòng, Sở, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý nhà nước khác ở địa phương; thực hiện sử dụng văn bản điện tử, ký số thay thế hoàn toàn văn bản giấy.

b) Trang bị chứng thư số chuyên dùng (do Ban Cơ yếu chính phủ cấp) thực hiện xác thực trên môi trường điện tử cho cán bộ, giáo viên toàn ngành.

c) Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong giáo dục, tăng tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến, thực hiện ký số cá nhân lãnh đạo, không sử dụng văn bản giấy trả kết quả thủ tục hành chính.

d) Thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác quản lý, giải quyết thủ tục hành chính; ưu tiên số hóa dữ liệu phục vụ việc cấp phát bản sao, xác minh văn bằng chứng chỉ.

7. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng

a) Xây dựng, triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển chuyển đổi số giáo dục và giáo dục thông minh theo quy định.

b) Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của ngành và các cơ sở giáo dục; được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp, được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định.

8. Phát triển nguồn nhân lực

a) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng

dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu khi triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo qua các nền tảng dùng chung của quốc gia, của tỉnh.

b) Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

c) Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước, đẩy mạnh hợp tác với Trường Đại học Hạ Long để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ ƯU TIÊN

1. Triển khai nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, dạy và học; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Sử dụng công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

2. Triển khai công tác dạy và học từ xa cho 100% cơ sở giáo dục, trong đó thử nghiệm chương trình cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình; ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

3. Triển khai Hệ thống Quản lý trường học trực tuyến tích hợp Tuyển sinh liên thông đầu cấp trực tuyến và xây dựng Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục tỉnh.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước bao gồm chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách và chi đầu tư phát triển cân đối hàng năm cho các ngành, địa phương để thực hiện các chương trình, dự án nhằm triển khai Kế hoạch.

2. Nguồn tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, của các trường tư thục chi cho các nhiệm vụ triển khai tại đơn vị;

3. Nguồn kinh phí xã hội hóa huy động thực hiện các nội dung của ngành, đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương và cơ quan, đơn vị trên địa bàn tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát các nội dung tại Kế hoạch này. Chủ trì triển khai hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương chỉ đạo lồng ghép triển khai kế hoạch chuyển đổi số tại các trường đại học trực thuộc trên địa bàn tỉnh đảm bảo mục tiêu đặt ra.

c) Tổ chức triển khai, ứng dụng và khai thác hiệu quả, an toàn các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu được đầu tư. Đảm bảo tính liên thông kết nối và chia sẻ dữ liệu với Hệ thống Chính quyền số của Tỉnh, với hệ thống quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Tham mưu xây dựng các dự án nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thông tin của các cơ sở giáo dục để đảm bảo hoạt động chuyển đổi số đảm bảo hiệu quả, thống nhất và đồng bộ. Đối với các ứng dụng chuyên ngành, sử dụng triệt để các sản phẩm, phần mềm do bộ, ngành Trung ương đầu tư triển khai theo ngành dọc, đảm bảo đồng bộ, tích hợp, liên thông từ cấp tỉnh đến Trung ương;

d) Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục tỉnh Quảng Ninh; phát triển nhân lực về Công nghệ thông tin cho ngành.

e) Chủ trì về tổ chức dạy học trực tuyến chương trình giáo dục phổ thông:
 (1) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch, bố trí nguồn lực, chỉ đạo các sở, ngành và các cơ quan có liên quan phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo để tổ chức dạy học trực tuyến tại địa phương. (2) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng dạy học trực tuyến cho giáo viên, cán bộ quản lý. (3) Chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến; kiểm tra, giám sát và giải quyết những vướng mắc trong quá trình tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến của các cơ sở giáo dục phổ thông thuộc phạm vi quản lý.

g) Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị trên địa bàn tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát các nội dung tại Kế hoạch này đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với các Bộ, Ngành trung ương chỉ đạo lồng ghép triển khai kế hoạch chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc trên địa bàn tỉnh đảm bảo mục tiêu đặt ra.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, phát triển hạ tầng số, hạ tầng Internet đảm bảo triển khai hiệu quả các hoạt động chuyển đổi số trong ngành giáo dục; đảm bảo kết nối Internet tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách ưu đãi về dịch vụ Internet và dịch vụ công nghệ tin đối với người học, đội ngũ nhà giáo và các cơ sở giáo dục.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong triển khai Kế hoạch đảm bảo tuân thủ quy định về Quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng

nguồn vốn ngân sách nhà nước; đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn thông tin dữ liệu và an ninh mạng; thực hiện kết nối và chia sẻ dữ liệu số với các cơ quan, tổ chức trong và ngoài tỉnh; cung cấp dữ liệu mở của giáo dục và đào tạo tỉnh cho các tổ chức, người dân có nhu cầu.

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan hỗ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất kinh phí thực hiện các nội dung thuộc Kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các địa phương, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính chủ trì cân đối ngân sách, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo quy định.

5. Sở Tư pháp, Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đảm bảo kết nối, giải quyết các thủ tục hành chính thiết yếu thuộc Đề án 06 “đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển đại học, cao đẳng”.

b) Công an tỉnh chủ trì, phối hợp kiểm tra an ninh, an toàn thông tin với các thiết bị công nghệ thông tin trước khi đưa vào sử dụng; phối hợp thực hiện bảo mật, an toàn an ninh thông tin hệ thống công nghệ thông tin Ngành giáo dục và đào tạo.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Chủ trì triển khai hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các sở, ngành liên quan trong quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án trên địa bàn, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ giữa địa phương với các cơ sở giáo dục.

c) Uy tín bố trí, cân đối kinh phí đầu tư cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn trong nguồn vốn ngân sách do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quản lý. Huy động các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin cho các cơ sở giáo dục để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số giáo dục trên địa bàn.

d) Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có liên quan tăng cường triển khai dạy học trực tuyến tại địa phương. Bố trí nguồn lực bảo đảm hạ tầng kỹ thuật để tổ chức dạy học trực tuyến trên địa bàn. Bố trí kinh phí bảo đảm đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng dạy học trực tuyến cho giáo viên, cán bộ quản lý.

7. Trường Đại học Hạ Long và các trường đại học, cao đẳng, trung học, cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh

a) Đổi mới, cập nhật các chương trình giáo dục, đào tạo ngành Công nghệ

thông tin, Điện tử, Tự động hóa, Điện tử viễn thông, ... chú trọng đào tạo chuyên sâu các công nghệ nổi bật, có tính ứng dụng cao của Cách mạng công nghiệp 4.0 như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thực tế ảo, khai phá dữ liệu; đưa nội dung chuyển đổi số vào chương trình đào tạo.

b) Triển khai hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trên môi trường số.

c) Đưa công nghệ thông tin, chuyển đổi số trở thành một trong những chuyên ngành đào tạo chủ lực để tạo sức hút tuyển sinh trong khu vực, từ đó cung cấp nguồn nhân lực công nghệ thông tin cho tỉnh.

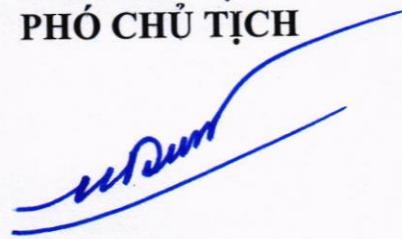
d) Nghiên cứu đề xuất và triển khai áp dụng hệ thống quản trị đại học, điều hành tác nghiệp trên môi trường số (gồm phần mềm và phần cứng) để phục vụ công tác quản lý, điều hành, tác nghiệp dạy và học trên môi trường mạng gồm các phân hệ: Quản lý đào tạo, quản lý nhân sự, quản lý chất lượng, quản lý tài sản, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học, tạp chí khoa học điện tử, chống đạo văn, quản lý thư viện, hệ thống đào tạo trực tuyến LMS,...

Yêu cầu các sở, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai đạt hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ được giao; Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./. 

Nơi nhận:

- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và xã hội (b/c);
 - TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
 - Q.CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
 - Các sở, ban, ngành;
 - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
 - V0-3, TH, KSTT, GD;
 - Lưu: VT, XD6
- N.05-KH.017

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Diện

**PHỤ LỤC 01**
**CHỈ TIÊU TĂNG CƯỜNG ÚNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ
THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
I	Phát triển Chính quyền số trong giáo dục				
1	100% thủ tục hành chính dù điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến đạt 100%.	2023	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện		
2	Tỷ lệ người học, cha mẹ người học hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%; Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.	2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ, TC		
3	Các cơ quan quản lý giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 100% hồ sơ công việc được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	2023	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện	Sở TTTT	
4	100% chỉ số thống kê về giáo dục, đào tạo theo Thông tư số 19/2017/TT-BGDDT ngày 28/7/2017, Thông tư số 09/2022/TT-BGDDT ngày 06/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư 01/2018/TT-LĐTBXH ngày 27/02/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được kết nối, chia sẻ phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo.	2023	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện		
5	100% cơ sở giáo dục đảm bảo kết nối dữ liệu để triển khai dịch vụ công thiết yếu (thủ tục đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông và xét tuyển đại học, cao đẳng).	2025	Sở GDĐT	Công an tỉnh	
II	Phát triển xã hội số trong giáo dục				
1	100% các cơ sở giáo dục chấp nhận thu học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học bằng phương thức TTKDTM; 100% số tiền học phí, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ người học của các cơ sở giáo dục ở vùng thành thị, nông thôn, 65% ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện bằng phương thức TTKDTM.	2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ, TC	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Quảng Ninh	

TT	Tên chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
2	100% cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học triển khai sổ sách, sổ điểm, học bạ điện tử thay thế hồ sơ giấy; 100% trường phổ thông tuyển sinh đầu cấp hoàn toàn trên môi trường số.	2023 - 2025	Sở GDĐT, UBND cấp huyện		
3	Triển khai mô hình quản lý thi online tập trung qua nền tảng công nghệ xác thực thẻ CCCD gắn chip điện tử.	2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ, TC	Công an tỉnh	
4	100% cơ sở giáo dục triển khai cho nhà giáo sử dụng chữ ký số.	2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ, TC	Sở TTTT	
III	Xây dựng trường học số				
	<i>Chuyển đổi số trong dạy và học</i>				
1	Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh, mỗi sinh viên và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến;	2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ, TC	Sở TTTT	
2	Về môi trường giáo dục trực tuyến:				
2.1.	Triển khai một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được ít nhất 70% học sinh, sinh viên sử dụng;	2023 - 2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ, TC		
2.2	Trường Đại học Hạ Long cung cấp các chương trình đào tạo (có cấp bằng) theo hình thức từ xa, trực tuyến;	2023 - 2025	Trường ĐH Hạ Long		
2.3	Hình thành kho học liệu trực tuyến đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông;	2025	Sở GDĐT, UBND cấp huyện		
3	Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến:				
3.1	Tỉ trọng lớp học trực tuyến trong Trường Đại học Hạ Long đạt trung bình 20%; trong số người học lấy văn bằng đại học thứ hai, có ít nhất 50% theo học hình thức trực tuyến (với thời lượng trực tuyến chiếm hơn 50%).	2025	Trường ĐH Hạ Long		
3.2	Tỉ trọng nội dung chương trình GDPT được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học.	2023-2025	Sở GDĐT, UBND cấp huyện		
	<i>Chuyển đổi số trong quản trị trường học</i>				

TT	Tên chỉ tiêu	Thời gian hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
4	Quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số				
4.1	100% cơ sở giáo dục từ mầm non đến đại học trên địa bàn tỉnh áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số;	2023	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ, TC		
4.2	100% các trường học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên tiếp tục triển khai hệ thống quản lý trường học trực tuyến;	2023	Sở GDĐT, UBND cấp huyện		
4.3	80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.	2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ, TC		
4.4	Xây dựng và hoàn thiện mô hình “Giáo dục đại học số” tại Trường Đại học Hạ Long	2025	Trường ĐH Hạ Long		
IV	Xây dựng cơ sở dữ liệu				
1	Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với 100% cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia; 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc	2023	Sở GDĐT	UBND cấp huyện	
2	100% sổ gốc cấp văn bằng, chứng chỉ được số hóa	2025	Sở GDĐT, UBND cấp huyện		
V	Phát triển nhân lực số				
1	100% các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học trên địa bàn tỉnh tích hợp nội dung chuyển đổi số trong chương trình giảng dạy, đào tạo.	2023 - 2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ, TC		
2	80% cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM.	2023 - 2025	Sở GDĐT, UBND cấp huyện		
3	100% người làm việc trong cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục định kỳ hàng năm được tham gia đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số, công nghệ số; trong đó tối thiểu 50% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích, xử lý dữ liệu bằng các công cụ số.	2023 - 2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ, TC		



PHỤ LỤC 02

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TĂNG CƯỜNG ÚNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIAI ĐOẠN 2023 - 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 276/KH-UBND ngày 10/11/2023 của UBND tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhu cầu nguồn kinh phí				Hình thức thực hiện	
					Nguồn vốn đầu tư	Nguồn vốn sự nghiệp ngành	Nguồn chi thường xuyên của đơn vị	Nguồn huy động xã hội hóa	Đầu tư	Thuê dịch vụ
I	Nhiệm vụ theo Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 01/3/2022									
1	Xây dựng chương trình đào tạo về chuyển đổi số để giáo viên và học sinh có các kỹ năng số trong đó, phấn đấu 100% đội ngũ cán bộ quản lý, giảng dạy từ bậc tiểu học trở lên được đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số, có kỹ năng số để trở thành lực lượng nòng cốt góp phần hình thành công dân số.	2023	Sở GDĐT	Sở TTTT						
2	Hoàn thành triển khai CSDL giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh; số hóa hồ sơ, tài liệu, băng, học liệu...	2023	Sở GDĐT				x	x		
3	Đổi mới nội dung và chương trình giáo dục, phát triển giáo dục STEM, giáo dục kỹ năng số, giáo dục đổi mới sáng tạo, tận dụng công nghệ số để gia tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, nhất là người dân ở vùng khó khăn.	2023 - 2025	Sở GDĐT, các cơ sở đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện			x	x		
4	Số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.	2023 - 2025	Sở GDĐT, các cơ sở đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện			x	x		x

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhu cầu nguồn kinh phí				Hình thức thực hiện	
					Nguồn vốn đầu tư	Nguồn vốn sự nghiệp ngành	Nguồn chi thường xuyên của đơn vị	Nguồn huy động xã hội hóa	Đầu tư	Thuê dịch vụ
5	Xây dựng hệ thống quản lý giáo dục thông minh trên cơ sở khai thác hiệu quả và đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống các phòng học/trường học thông minh trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư giai đoạn 2017-2020 thuộc Đề án triển khai mô hình thành phố thông minh và hệ thống của Bộ Giáo dục - Đào tạo.	2023	Sở GD&ĐT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các cơ sở đào tạo		x	x	x		x
6	Phát triển, triển khai hệ sinh thái các ứng dụng số, nền tảng dạy học trực tuyến để cung cấp các dịch vụ số cho người dân trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.	2023 - 2025	Sở GD&ĐT, các cơ sở đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện		x	x	x		x
7	Triển khai Đề án Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ	2023 - 2025	Sở GD&ĐT	Sở TTTT; UBND cấp huyện						
8	Cập nhật và đổi mới giáo trình, chương trình đào tạo công nghệ số phù hợp với xu hướng CMCN 4.0; chú trọng gắn với công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật (IoT), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (Blockchain), in ba chiều (3D Printing).	2023 - 2025	Trường ĐH Hạ Long, Cao đẳng Việt - Hàn	Sở GD&ĐT; Sở TTTT			x	x		
9	Đẩy mạnh đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng quy mô và chất lượng dân số của tỉnh, trong đó tập trung đẩy mạnh chuyên ngành đào tạo về CNTT; phối hợp với các cơ quan chính quyền và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để tạo chuỗi liên kết lao	2023 - 2025	Trường ĐH Hạ Long, Cao đẳng Việt - Hàn	Sở GD&ĐT; Sở TTTT			x	x		

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhu cầu nguồn kinh phí				Hình thức thực hiện	
					Nguồn vốn đầu tư	Nguồn vốn sự nghiệp ngành	Nguồn chi thường xuyên của đơn vị	Nguồn huy động xã hội hóa	Đầu tư	Thuê dịch vụ
1	Chỉ đạo các cơ sở giáo dục, đào tạo tiếp tục chuẩn hóa cơ sở dữ liệu; tăng cường phối hợp, kết nối với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán đẩy mạnh triển khai thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt	2025	Sở GDĐT	Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán						
2	Tập huấn cho các cơ sở giáo dục sử dụng các phần mềm kế toán hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt	2025	Sở GDĐT	Tổ chức cung ứng phần mềm kế toán		x	x	x		
3	Đẩy mạnh tuyên truyền những tiện ích của thanh toán không dùng tiền mặt tới cha mẹ học sinh	2025	Sở GDĐT	Tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, trung gian thanh toán						
V	Nhiệm vụ theo Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 29/10/2021									
1	Nghiên cứu triển khai áp dụng mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ-kỹ thuật - toán học (STEM) trong chương trình giáo dục phổ thông	2023 - 2025	Sở GDĐT	Các trường ĐH, CĐ; UBND cấp huyện						

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhu cầu nguồn kinh phí				Hình thức thực hiện	
					Nguồn vốn đầu tư	Nguồn vốn sự nghiệp ngành	Nguồn chi thường xuyên của đơn vị	Nguồn huy động xã hội hóa	Đầu tư	Thuê dịch vụ
2	Cập nhật và đổi mới giáo trình, chương trình đào tạo công nghệ số phù hợp với xu hướng CMCN 4.0; mời các tổ chức, doanh nghiệp, chuyên gia trong lĩnh vực công nghệ số giảng dạy các chuyên đề về “sáng tạo dựa trên công nghệ” và “khởi nghiệp công nghệ” cùng với việc giới thiệu các sản phẩm, giải pháp đang là xu thế được áp dụng nhiều trong thực tế cho sinh viên. Phối hợp với các cơ quan chính quyền và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để tạo chuỗi liên kết lao động sau đào tạo	Từ năm 2023	Sở GD&ĐT	Sở TTTT; Sở KHCN; Các trường ĐH, CĐ			x	x		
VI	Nhiệm vụ theo Kế hoạch số 227/KH-UBND ngày 24/11/2021									
1	Lồng ghép nội dung phổ biến các thông tin về chuyển đổi số trong các buổi ngoại khóa tại các trường học	2023 - 2025	Sở GD&ĐT	Sở TTTT						
VII	Nhiệm vụ theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 và các văn bản của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo về công nghệ thông tin, truyền thông, chuyển đổi số									
1	Rà soát, ban hành các văn bản hướng dẫn về chuyển đổi số trong hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục;									
1.1	Hướng dẫn thực hiện quy định về cơ sở dữ liệu trong ngành giáo dục; kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục, đồng bộ với cơ sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo	2023	Sở GD&ĐT	UBND cấp huyện						

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhu cầu nguồn kinh phí				Hình thức thực hiện	
					Nguồn vốn đầu tư	Nguồn vốn sự nghiệp ngành	Nguồn chi thường xuyên của đơn vị	Nguồn huy động xã hội hóa	Đầu tư	Thuê dịch vụ
1.2	Hướng dẫn thực hiện các quy định về thanh toán, đóng học phí, lệ phí, các khoản thu dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục bằng phương thức không dùng tiền mặt	2023	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Các trường ĐH, CĐ	Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Quảng Ninh						
1.3	Hướng dẫn thực hiện bộ chỉ tiêu đánh giá CDS; tự đánh giá, đánh giá ngoài và công nhận kết quả mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	2023	Sở GDĐT	Sở TTTT						
1.4	Hướng dẫn các cơ sở giáo dục xây dựng đề án thuê dịch vụ điện tử quản lý học sinh, xây dựng trường học thông minh, lớp học thông minh, hệ thống LMS/LCMS phục vụ hoạt động dạy và học, bồi dưỡng thường xuyên	2025	Sở GDĐT	Sở TTTT, Sở TC						
1.5	Hướng dẫn sử dụng, xây dựng nội dung trang thông tin điện tử của ngành và các cơ sở giáo dục	2024	Sở TTTT	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ						
1.6	Hướng dẫn quản lý hồ sơ điện tử trong các cơ sở giáo dục theo chuẩn kết nối, chuẩn dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo	2025	Sở GDĐT	UBND cấp huyện						

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhu cầu nguồn kinh phí				Hình thức thực hiện	
					Nguồn vốn đầu tư	Nguồn vốn sự nghiệp ngành	Nguồn chi thường xuyên của đơn vị	Nguồn huy động xã hội hóa	Đầu tư	Thuê dịch vụ
2	Chuyển đổi số dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học									
2.1	Triển khai hệ thống phòng học tương tác thông minh, phòng thí nghiệm/thực hành (Lab) hiện đại, phòng Lab mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR), công nghệ học máy, công nghệ phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo vào các lĩnh vực nghiên cứu, thực hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng	2023-2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ			x	x	x		x
2.2	Lựa chọn và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục vào giảng dạy, ưu tiên sản phẩm trong nước	2023-2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ	Các đơn vị cung cấp dịch vụ			x	x		x
2.3	Triển khai các mô hình dạy và học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế của giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên	2023-2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ				x	x		x
2.4	Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường trong đó có tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông dưới hình thức trực tuyến đảm bảo mục tiêu của Kế hoạch	2023	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ							

TT	 Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhu cầu nguồn kinh phí				Hình thức thực hiện	
					Nguồn vốn đầu tư	Nguồn vốn sự nghiệp ngành	Nguồn chi thường xuyên của đơn vị	Nguồn huy động xã hội hóa	Đầu tư	Thuê dịch vụ
5.1	Triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển chuyển đổi số giáo dục và giáo dục thông minh theo quy định	2023 - 2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ	Sở TTTT						
5.2	Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin của ngành và các cơ sở giáo dục; được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp, được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định	2023 - 2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ	Sở TTTT						
6	Phát triển nguồn nhân lực									
6.1	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, CBQL, nhân viên và người học bảo đảm quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ phụ trách ứng dụng CNTT và CDS trong ngành giáo dục; triển khai hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu; bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, bảo mật dữ liệu khi triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo qua các nền tảng dùng chung của quốc gia, của tỉnh	2023 - 2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ	Sở TTTT, Sở TC, Sở KHĐT	x	x	x			

TT	Nhiệm vụ	Thời gian triển khai	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Nhu cầu nguồn kinh phí				Hình thức thực hiện	
					Nguồn vốn đầu tư	Nguồn vốn sự nghiệp ngành	Nguồn chi thường xuyên của đơn vị	Nguồn huy động xã hội hóa	Đầu tư	Thuê dịch vụ
6.2	Triển khai mô hình giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán học và nghệ thuật (giáo dục STEM/STEAM); phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số	2023-2025	Sở GDĐT, Sở LĐTBXH, UBND cấp huyện, Trường ĐH, CĐ			x	x	x		
6.3	Chủ động liên kết với các viện, trường, trung tâm nghiên cứu và các đối tác trong và ngoài nước, đẩy mạnh hợp tác với Trường Đại học Hạ Long để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh	2023-2025	Trường Đại học Hạ Long							